Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn
Cơ quan: Tỉnh Lạng Sơn
Thời gian ký: 03/09/2026 11:15:01

PHỤ LỤC: TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU KHU VỰC NA CHƯƠNG - BÌNH CẰM, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỶ LỆ 1/2.000

(Kèm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 03 /9/2026 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Chi phí lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch	G1	Dự toán chi tiết	271.269.000
1.1	*Chi phí chuyên gia*	C_{cg}	*Theo bảng tính*	138.505.000
1.2	*Chi phí quản lý*	C_{ql}	$50\% \times C_{cg}$	69.252.500
1.3	*Chi phí khác*	C_k	*Theo bảng tính*	30.952.000
1.4	*Thu nhập chịu thuế tính trước*	TL	$6\% \times (C_{cg}+C_{ql})$	12.465.450
1.5	*Thuế giá trị gia tăng*	T	$8\% \times (C_{cg}+C_{ql}+C_k+TL)$	20.093.996
1.6	*Chi phí dự phòng*	C_{dp}	$0\% \times (C_{cg}+C_{ql}+C_k+TL+T)$	-
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng (*Tỷ lệ × Giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế*)	G2	11,86% × 251.175.000 đồng	29.789.355
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ công tác lập quy hoạch xây dựng (*Tỷ lệ × Giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế*)	G3	10,29% × 251.175.000 đồng	25.845.908
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư có liên quan	G4	Dự toán chi tiết	12.726.000

5	Chi phí công bố quy hoạch	G5	Dự toán chi tiết	10.130.000
6	Chi phí hồ sơ quy hoạch theo thông tin địa lý (GIS)	G6	10,0% × 271.269.000 đồng	27.126.900
	TỔNG CHI PHÍ TƯ VẤN	**G**	**G1+G2+…+G6**	**376.887.163**
	LÀM TRÒN:			**376.887.000**

BẢNG TÍNH TOÁN CHI PHÍ CHUYÊN GIA

STT	Tên chuyên gia	Trình độ chuyên môn/Kinh nghiệm	Vị trí dự kiến	Lương chuyên gia (Theo Thông tư 7/2026/TT-BNV ngày 05/05/2026)	Số ngày làm việc	Thù lao cho chuyên gia
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(5)x(6)*
1	Chuyên gia 01	Kiến trúc sư, kinh nghiệm >7 năm	Chủ nhiệm đồ án quy hoạch/ Chủ trì thiết kế bộ môn kiến trúc	1.350.000	30,0	40.500.000
2	Chuyên gia 02	Kiến trúc sư, kinh nghiệm ≥5 năm	Chuyên gia thiết kế bộ môn kiến trúc	1.153.000	25,0	28.825.000
3	Chuyên gia 03	Kỹ sư giao thông/ Kỹ sư hạ tầng kỹ thuật, kinh nghiệm ≥5 năm	Chủ trì thiết kế bộ môn giao thông, san nền	1.153.000	20,0	23.060.000
4	Chuyên gia 04	Kỹ sư điện/ Kỹ sư hạ tầng kỹ thuật, kinh nghiệm ≥5 năm	Chủ trì thiết kế bộ môn điện	1.153.000	20,0	23.060.000
5	Chuyên gia 05	Kỹ sư cấp thoát nước/ Kỹ sư hạ tầng kỹ thuật, kinh nghiệm ≥5 năm	Chủ trì thiết kế bộ môn cấp thoát nước	1.153.000	20,0	23.060.000
	TỔNG CỘNG					**138.505.000**